

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 29/06/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1991; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phan Văn S – sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phan Văn S sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp và vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh S thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 1 năm 2019 chị đã

bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung cháu Phan Văn D sinh ngày 19 tháng 12 năm 2016, hiện cháu D đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và chị không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh S không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phan Văn S hiện đang cư trú tại nhà mẹ đẻ anh S là bà Đậu Thị H ở xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phan Văn S và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S thông qua mẹ đẻ anh S là bà Đậu Thị H. Bà H cho biết bản thân anh S cũng đã biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh S không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phan Văn S

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Văn D sinh ngày 19 tháng 12 năm 2016 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn S không phải cấp dưỡng đối với cháu D, anh S có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phan Văn S có nơi cư trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phan Văn S, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 11 năm 2015 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Thực tế chị T đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh S không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh S vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh S không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K thể hiện: Chị T và anh S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh S tại xóm 1, xã K được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được do chính quyền địa phương không nắm được đơn thư hay yêu cầu gì từ phía gia đình chị T và anh S. Nhưng từ đầu năm 2019 đến nay thì chị T đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, không ở cùng với anh S nữa. Hiện chỉ còn có mình anh S ở cùng với mẹ đẻ tại xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nay chị T xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau hơn hai năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có một con chung cháu Phan Văn D sinh ngày 19 tháng 12 năm 2016. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu D do chị T trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu D và không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D. Về phía anh S không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu D cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn D sinh ngày 19 tháng 12 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Phan Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002543 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã Kim Định, huyện K;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**  
**Trần Thị Khanh**